**ĐÂY THÔN VĨ DẠ**

 Hàn Mặc Tử

1. **Tìm hiểu chung:**
2. **Tác giả**: (HS gạch những ý chính trong SGK)
3. **Bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ”.**
4. **Nhan đề, xuất xứ:** Bài thơ lúc đầu có tên là *Ở Đây thôn Vĩ Dạ*, sáng tác năm 1938, in trong tập *Thơ điên*, sau đổi thành *Đau thương.*
5. **Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được gợi cảm hứng từ mối tình của Hàn Mặc Tử với cô gái quê ở Vĩ Dạ (Huế) nhân lúc cô gái gửi cho nhà thơ bức bưu ảnh kèm lời thăm hỏi động viên trong thời gian ông điều trị bệnh ở Quy Nhơn.
6. **Bố cục:** gồm 3 đoạn

- Khổ 1:Cảnh thôn Vĩ lúc bình minh

- Khổ 2: Cảnh sông nước đêm trăng

- Khổ 3: Tâm sự của nhà thơ với người xứ Huế

1. **ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**
2. **Khổ 1: Cảnh thôn Vĩ lúc bình minh.**

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?.*

- Câu hỏi tu từ kết hợp một loạt thanh bằng tạo nên giọng thơ trầm lắng.

- Vừa là lời của tác giả, vừa là lời của cô gái

- Lời trách nhẹ nhàng, lời mời gọi thiết tha, chân thành

-Từ ngữ *về chơi* (khác về thăm) -> gợi sự gần gũi, thân mật.

=> **Câu thơ mở đầu là duyên cớ để khơi dậy những kỉ niệm sâu sắc đẹp đẽ, đáng yêu về con người và cảnh thôn Vĩ trong ánh bình minh.**

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*

- Hình ảnh độc đáo mới lạ: *Nắng hàng cau - nắng mới lên - vườn mướt -* *xanh như ngọc* -> Sự trong trẻo, tinh khiết, ấm áp, tràn đầy sức sống. Sự kết hợp của nắng vàng, cau xanh tạo nên vẻ đẹp hài hòa của cảnh vật.

- Từ ngữ sáng tạo, gợi tả:

+ Điệp từ *nắng* -> Đặc trưng của khí hậu miền Trung: nắng nhiều, nắng sớm từ lúc bình minh.

+ Đại từ *ai* (vườn ai): không xác định -> Cảnh vừa thực vừa ảo

+ Từ cảm thán: *mướt quá* -> tâm trạng reo vui, trầm trồ trước vẻ đẹp non tơ, mượt mà của khu vườn.

+ Từ so sánh *xanh như ngọc* -> Thái độ trân trọng, nâng niu.

=> **Hai câu thơ miêu tả khu vườn non tơ, tươi tốt, lung linh, ngời sáng và tràn đầy sức sống. Qua đó ta thấy được tình cảm tha thiết của nhà thơ với thiên nhiên, cuộc đời.**

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

- *Mặt chữ điền* : gương mặt hình vuông -> trung thưc, phúc hậu.

- *Lá trúc*: mảnh mai, thanh tú, nhỏ bé.

- *Lá trúc che ngang mặt chữ điền*: Hình tượng độc đáo, ấn tượng -> gợi vẻ đẹp kín đáo, phúc hậu, đặc trưng của con người xứ Huế, tạo nên cái thần của thôn Vĩ.

**Tiểu kết: Khổ thơ cho thấy cảnh vật thôn Vĩ xinh xắn, tươi sáng, giàu sức sống; con người thôn Vĩ phúc hậu. Thiên nhiên và con người hài hòa trong vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng, hư ảo. Bên cạnh đó khổ thơ còn là tiếng nói bâng khuâng, rạo rực của một tâm hồn yêu đời, khát sống và luôn hướng về cái đẹp trong trẻo, thánh thiện.**

1. **Khổ 2: Cảnh sông nước đêm trăng**
2. **Hai câu đầu:**

*Gió theo lối gió, mây đường mây*

*Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay*

- Hình ảnh thực: Cảnh êm đềm, nhịp điệu khoan thai, đặc trưng của xứ Huế: Gió thổi nhẹ, mây trôi chậm, nước lững lờ, hoa bắp khẽ lay.

- Hình ảnh mang tâm trạng, cảm xúc của thi nhân:

+ Nhịp 4/3 -> tách biệt hai vế

+ Điệp ngữ *gió*, *mây* kết hợp nghệ thuật tiêủ đối -> sự chuyển động trái với quy luật tự nhiên, gió mây không còn chung hướng mà gợi sự xa cách, chia lìa.

+ Nghệ thuật nhân hóa: *dòng nước* *buồn thiu* -> nhấn mạnh nỗi buồn dai dẳng, héo hon, trĩu nặng.

+ Động từ *lay* -> Sự chuyển động nhẹ, khẽ khàng

**=> Hình ảnh thiên nhiên đẹp nhưng lạnh lẽo, gợi sự chia lìa phảng phất tâm trạng buồn, cô đơn và dự cảm chia xa của nhà thơ trước cuộc đời.**

1. **Hai câu cuối:**

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*

*Có chở trăng về kịp tối nay?*

- Hình ảnh thực: Thuyền trên bến sông Hương vào đêm trăng

- Hình ảnh đầy mộng ảo:

+ *thuyền, bến, trăng-*> tượng trưng cho hạnh phúc lứa đôi

+ *trăng*: người bạn thân thiết, tri kỉ xuất hiện nhiều trong thơ Hàn Mặc Tử.

+ *thuyền chở trăng* -> chở người bạn tri kỉ của nhà thơ

+ *bến sông trăng* ->trăng tuôn chảy thành dòng sông trăng.

**=> Đây là hình ảnh đẹp, mới mẻ đầy sáng tạo xuất phát từ tình yêu cuộc sống, thiên nhiên của thi nhân.**

- Câu hỏi tu từ kết hợp đại từ phiếm chỉ *ai* -> tâm trạng hoài nghi, phấp phỏng, lo âu.

- Từ ngữ gợi cảm: *tối nay, kịp* -> nói về tương lai gần.

-> Thời gian không còn nhiều, niềm mong đợi bạn trăng càng lớn. Càng mong ngóng càng thấy hoài nghi và cô đơn => bi kịch tâm trạng của nhà thơ.

**Tiểu kết:** C**ảnh được nhìn qua tâm trạng con người vừ thực vừa ảo, đẹp nhưng buồn. Không gian thiên nhiên trở thành không gian tâm trạng. Càng yêu đời, càng khát khao giao cảm nhà thơ càng rơi vào tuyệt vọng.**

1. **Khổ 3: Tâm sự của nhà thơ với người xứ Huế**

*Mơ khách đường xa, khách đường xa*

- Điệp ngữ *khách đường xa* -> Nhấn mạnh sự xa cách

- *Mơ ->* gợi thế giới ảo vọng, không có thực

- *Khách* -> chủ thể không xác định.

+ Hàn Mặc Tử mơ được gặp lại khách là cô gái thôn Vĩ

+ Hàn Mặc Tử nghĩ mình mãi chỉ là người khách xa xôi và là người khách trong mơ của cô gái mà thôi.

**=> Dù hiểu theo cách nào thì câu thơ cũng gợi sự xa cách cả về không gian ( Quy Nhơn - Huế), thời gian ( quá khứ - hiện tai) và tình cảm (tình yêu đơn phương của nhà thơ).**

*Áo em trắng quá nhìn không ra*

- Hoán dụ: *áo em trắng quá* -> gợi hình ảnh cô gái hiện lên trong tâm tưởng với vẻ đẹp trong sáng, trinh nguyên, dịu dàng

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*

- *Ở đây* -> có hai cách hiểu:

+ Ở thôn Vĩ, nơi nhà thơ đang nhớ về, nơi gắn với hình ảnh cô gái

+ Ở Quy Nhơn, nơi nhà thơ đang chữa bệnh và cô đơn

- Từ đa nghĩa: *sương khói, mờ*

+ Hình ảnh tả thực: sương trắng, khói trắng hòa lẫn cùng tà áo trắng -> cảnh nhạt nhòa, mờ ảo.

+ Hình ảnh gợi tả: Sương khói tượng trưng cho bao cái huyền hoặc của cuộc đời đang làm cho tình người trở nên khó hiểu, xa vời.

*Ai biết tình ai có đậm đà?*

- Đại từ phiếm chỉ *ai:* vừa để chỉ cô gái, vừa chỉ Hàn Mặc Tử, mở ra hai ý nghĩa của câu thơ:

+ Hoài nghi về tình cảm cô gái: Nhà thơ không biết được tình người xứ Huế có đậm đà không, hay cũng mờ ảo, dễ tan như sương khói.

+ Khẳng định tình cảm của mình: Liệu cô gái có biết rằng tình cảm của nhà thơ với cảnh Huế, người Huế hết sức thắm thiết, đậm đà.

**=> Dù hiểu theo cách nào thì câu thơ cũng làm tăng nỗi cô đơn, trống vắng, mặc cảm trong một tâm hồn tha thiết yêu thương con người và cuộc đời.**

**Tiểu kết: Khổ thơ cuối đượm buồn, mang màu sắc ảo ảnh, vừa hoài nghi, trách móc, vừa chứa chan niềm tha thiết với cuộc đời, với con người của một tâm hồn cô đơn khát khao sống đến mãnh liệt.**

1. **Tổng kết:**

Với những hình ảnh biểu hiện nội tâm, bút pháp gợi tả, ngôn ngữ tinh tế, giàu liên tưởng, bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ là bức tranh đẹp về một miền quê, đất nước, là tiếng lòng của một con người tha thiết yêu đời, yêu người.